

Anchor-VZ Bulông Neo Hóa Chất Ống Nhộng Thủy Tinh



Bulông Neo Hóa Chất Ống Nhộng Thủy Tinh **Anchor-VZ**

Lắp đặt đơn giản, bulông chịu tải trọng rất cao, thích hợp cho môi trường ẩm và xâm thực khi dùng chung với thanh ren mạ kẽm hoặc inox. Khô cứng nhanh, được neo cấy với thanh ren bulông vào bê tông và đá tự nhiên để chịu tải trọng nặng. Là loại bulông hóa chất rất thích hợp cho ứng dụng khoan cấy Ngược Trần.

Ưu Điểm Của Sản Phẩm

- Thanh bulông neo có đầu lục giác giúp lắp đặt nhanh và dễ dàng
- Tiện dụng hơn với công tác lắp đặt nhỏ lẻ so với hóa chất loại keo tuýp bơm
- Được định lượng sẵn chính xác keo cần thiết cho mỗi lỗ ứng dụng
- Có thể lắp đầu nào của ống nhộng vào trước cũng được
- Thích hợp cho những ứng dụng có khoảng cách bulông và mép nhỏ
- Lý tưởng cho ứng dụng bulông trong môi trường ẩm ướt
- Chuyên dùng cho ứng dụng lắp bulông neo **ngược trần**
- Chịu được tải trọng động

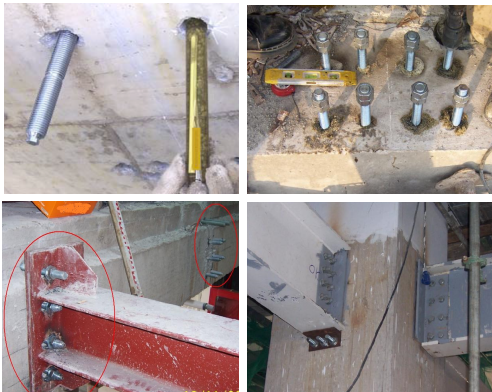
Vật Liệu Nền

- . Bê tông
- . Đá tự nhiên

Đặc Tính Kỹ Thuật

- Khi được dùng với thanh ren bulông V-A, ống nhộng thủy tinh dạng "2 trong 1" keo VZ-P sẽ tạo nên một loại bulông neo hóa chất cường lực chịu tải trọng tĩnh và động rất cao
- Những đặc trưng khi khoan cấy bulông ở nhiệt độ 30°C:
 - Với bê tông khô: Thời gian khô cứng hoàn toàn chỉ 30 phút
 - Với bê tông ướt: Thời gian khô cứng hoàn toàn là 60 phút

Các Ứng Dụng Tiêu Biểu



- Neo cấy bản mã thép trong bê tông
- Lắp dựng cột, kèo kết cấu thép, cầu thang thép
- Lắp đặt máy móc thiết bị công nghiệp
- Giá đỡ khung mặt dựng vách nhôm-kính mặt tiền nhà cao tầng
- Billboards bảng hiệu nặng để quảng cáo
- Giá đỡ tường gạch động

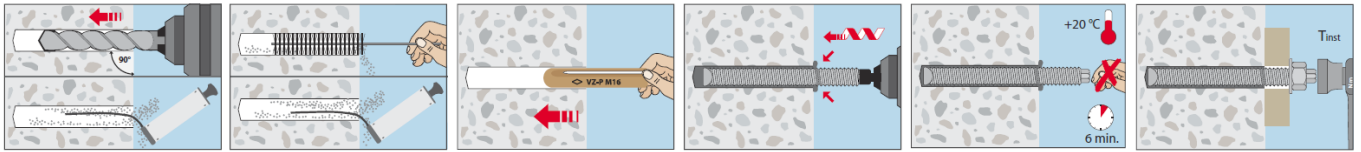
Chứng Chỉ Kỹ Thuật Được Cấp



Thời Gian Khô Cứng

Nhiệt Độ Vật Liệu Nền	Bê tông Khô	Bê tông Ướt
30°C	30 phút	60 phút
20°C	40 phút	50 phút
10°C	1 giờ	2 giờ

Biện Pháp Thi Công Khoan Cây



1. Khoan lỗ bê tông có đường kính và độ sâu được chỉ định tương ứng với đường kính thanh ren cần cấy. Dùng máy thổi bụi và chổi lông vệ sinh sạch bụi 2 lần.
2. Nhét ống nhộng keo VZ-P tương ứng vào lỗ khoan.
3. Kẹp đầu lục giác của thanh ren bulông vào máy khoan và xoay đầu nhọn vào để nghiền và trộn 2 thành phần keo đến khi thanh ren chạm đáy lỗ thì dừng.
4. Để yên liên kết bulông neo cấy này đến sau thời gian khô cứng hoàn toàn rồi bắt đầu siết con tán (êcu) với cà-lê lực đến mô-men siết chỉ định.

Sản Phẩm Ống Nhộng Keo Thủy Tinh VZ-P

Mã Hàng	Chi Tiết Tên Hàng	Dùng Với Thanh Ren V-A	Tổng Chiều Dài Ống Nhộng VZ-P (mm)	Đường Kính Lỗ Khoan Ø (mm)	Độ Sâu Lỗ Khoan (mm)
64201001	M10 VZ-P	M10x130	80	12	90
64201201	M12 VZ-P	M12x160	95	14	110
64201601	M16 VZ-P	M16x190	95	18	125
64202001	M20 VZ-P	M20x260	145	22	170
64202401	M24 VZ-P	M24x300	190	28	210
64203001	M30 VZ-P	M30x380	265	35	280

Thanh Ren Bulông Mạ Kẽm (5.8)

Mã Hàng	Chi Tiết Tên Hàng	Đường kính Thanh Ren (mm)	Chiều dài Thanh Ren (mm)	Độ Dày Tối Đa Bản Mã (mm)	Đường Kính Lỗ Khoan Ø (mm)	Độ sâu Lỗ Khoan (mm)
21203101	M10x130/30 V-A	10	130	30	12	90
21306101	M12x160/35 V-A	12	160	35	14	110
21510101	M16x190/45 V-A	16	190	45	18	125
21617101	M20x260/60 V-A	20	260	60	22	170
21721101	M24x300/55 V-A	24	300	55	28	210
21829101	M30x380/70 V-A	30	380	70	35	280

Thanh Ren Bulông inox A4/SS316

21203501	M10x130/30 V-A A4/SS316	10	130	30	12	90
21306501	M12x160/35 V-A A4/SS316	12	160	35	14	110
21510501	M16x190/45 V-A A4/SS316	16	190	45	18	125
21617501	M20x260/60 V-A A4/SS316	20	260	60	22	170

Khả Năng Chịu Tải Trọng Thiết Kế Của Bulông Neo Hóa Chất Anchor-VZ

Đường Kính Bulông Neo (mm)	Đường Kính Lỗ Khoan Ø (mm)	Độ Sâu Lỗ Khoan (mm)	Mô-men Lực Siết (Nm)	Khả Năng Lực Chịu Cắt (kN)*	Khả Năng Lực Chịu Kéo (kN)*
M10	12	90	20	13,5	18,3
M12	14	110	30	20,4	24,4
M16	18	125	60	37,7	30,4
M20	22	170	120	59,1	45,7
M24	28	210	200	85,3	54,8
M30	35	280	400	101,6	92,0

Tải trọng thiết kế (kN) cho trường hợp dùng với thanh ren bulông mạ kẽm (thép 5.8, mạ kẽm) trong bê tông mác 30N/mm²

* Hãy tham khảo nhân viên kỹ thuật của nhà phân phối để có thêm nhiều thông số hay giải thích kỹ thuật kỹ hơn